

LUẬN CHỨNG SỰ PHÂN A TỶ ĐÀM QUYỂN 11

Phẩm 7: THIÊN VẤN LUẬN, Phần 4

Căn là hai mươi hai căn:

Hỏi: Hai mươi hai căn có bao nhiêu sắc, bao nhiêu không phải sắc?

Đáp: Có bảy thứ là sắc, mười lăm thứ không phải là sắc.

Hết thấy không thể trông thấy.

Bảy thứ có đối, mười lăm thứ không có đối.

Mười thứ là hữu lậu, ba thứ là vô lậu, chín cần phân biệt: Ý căn, hoặc là hữu lậu, hoặc là vô lậu. Hữu lậu là ý hữu lậu, tư duy tương ứng với Ý căn. Vô lậu là ý vô lậu, tư duy tương ứng với Ý căn.

Như Ý căn; Lạc-Hỷ-Xả-Tín-Tiến-Niệm-Định-Tuệ căn cũng vậy.

Hết thấy là hữu vi.

Một thứ có báo, mười một thứ không có báo, mười cần phân biệt: Ý căn hoặc là có báo, hoặc là không có báo. Có báo là Ý căn hữu lậu thiện và bất thiện. Không có báo là Ý căn vô lậu và vô ký.

Như Ý căn; Lạc - Hỷ - Xả căn cũng vậy.

Khổ căn hoặc có báo, hoặc không có báo. Có báo là Khổ căn thiện-bất thiện. Không có báo là Khổ căn vô ký.

Tín - Tinh tiến - Niệm - Định - Tuệ căn, nếu là hữu lậu thì có báo, nếu vô lậu thì không có báo.

Hết thấy đều từ nhân duyên sinh thuộc cõi đời này.

Bảy thứ là thuộc về sắc, mười lăm thứ là thuộc về danh.

Tám thứ là thuộc về nội nhập, mười một thứ là thuộc về ngoại nhập, ba cần phân biệt: Vị tri đương tri căn - dĩ tri căn - Vô tri căn, tiếp nhận tâm-ý-thức là thuộc về nội nhập, còn lại là thuộc về ngoại nhập.

Hết thấy là trí biết.

Mười thứ là đoạn tri biết và đoạn, ba thứ là không phải đoạn tri biết và không đoạn, chín cần phân biệt: Chín nếu là hữu lậu thì đoạn tri biết và đoạn, nếu là vô lậu thì không đoạn tri biết và không đoạn.

Tám thứ phải tu, tám thứ không phải tu, sáu cần phân biệt: Ý căn hoặc phải tu, hoặc không phải tu. Phải tu là Ý căn thiện. Không phải tu là Ý căn bất thiện và vô ký.

Như Ý căn; Lạc - Khổ - Hỷ - Xả căn cũng như vậy.

Ưu căn hoặc phải tu, hoặc không phải tu. Phải tu là Ưu căn thiện. Không phải tu là Ưu căn bất thiện.

Mười sáu thứ không ô uế, sáu cần phân biệt: Ý căn hoặc ô uế, hoặc không ô uế. Ô uế là chìm mất. Không ô uế là không chìm mất.

Như Ý căn; Lạc - Khổ - Hỷ - Ưu - Xả căn cũng như vậy.

Hết thấy là quả và có quả.

Mười lăm thứ không thọ, bảy cần phân biệt: Nhãn căn hoặc thọ, hoặc không thọ. Thọ là như tự tánh thọ nhận. Không thọ là không phải tự tánh thọ nhận.

Như nhãn căn; nhĩ - tỷ - thiệt - thân - nam - nữ căn cũng như vậy.

Bảy thứ là bốn đại tạo, mười lăm thứ không phải bốn đại tạo.

Hết thấy là có cái trên nó.

Mười thứ là hữu, ba thứ không phải hữu, chín cần phân biệt: Chín nếu là hữu lậu thì hữu, nếu là vô lậu thì không phải hữu.

Tám thứ là nhân không tương ứng, mười bốn thứ là nhân tương ứng.

Hoặc lĩnh vực thiện tiếp nhận không phải là căn, có bốn trường hợp:

1. Lĩnh vực thiện tiếp nhận không phải là căn, là sắc ấm - tưởng ấm thiện. Căn không tiếp nhận hành ấm thiện và số diệt.

2. Căn tiếp nhận không phải lĩnh vực thiện, là tám căn và phần ít của sáu căn.

3. Lĩnh vực thiện tiếp nhận cũng là căn, là tám căn và phần ít của sáu căn.

4. Không phải lĩnh vực thiện tiếp nhận cũng không phải là căn, là sắc ấm - tưởng ấm bất thiện. Căn không tiếp nhận hành ấm bất thiện. Căn không tiếp nhận sắc ấm - tưởng ấm vô ký. Căn không tiếp nhận hành ấm vô ký và hư không - phi số diệt.

Hoặc lĩnh vực bất thiện tiếp nhận không phải là căn, có bốn trường hợp:

1. Lĩnh vực bất thiện tiếp nhận không phải là căn, là sắc ấm-tưởng

ấm bất thiện. Căn không tiếp nhận hành ấm bất thiện.

2. Căn tiếp nhận không phải lĩnh vực bất thiện, là mười sáu căn và phần ít của sáu căn.

3. Lĩnh vực bất thiện tiếp nhận cũng là căn, là phần ít của sáu căn.

4. Không phải lĩnh vực bất thiện tiếp nhận cũng không phải là căn, là sắc ấm-tướng ấm thiện. Căn không tiếp nhận hành ấm thiện và số diệt. Căn không tiếp nhận sắc ấm-tướng ấm vô ký. Căn không tiếp nhận hành ấm vô ký và hư không-phi số diệt.

Hoặc lĩnh vực vô ký tiếp nhận không phải là căn, có bốn trường hợp:

1. Lĩnh vực vô ký tiếp nhận không phải là căn, là căn không tiếp nhận sắc ấm-tướng ấm vô ký. Căn không tiếp nhận hành ấm vô ký và hư không-phi số diệt.

2. Căn tiếp nhận không phải lĩnh vực vô ký, là chín căn và phần ít của năm căn.

3. Lĩnh vực vô ký tiếp nhận cũng là căn, là tám căn và phần ít của năm căn.

4. Không phải lĩnh vực vô ký tiếp nhận cũng không phải là căn, là sắc ấm-tướng ấm thiện. Căn không tiếp nhận hành ấm thiện cùng số diệt và sắc ấm-tướng ấm bất thiện. Căn không tiếp nhận hành ấm bất thiện.

Không tiếp nhận lĩnh vực lậu.

Hoặc lĩnh vực hữu lậu tiếp nhận không phải là căn, có bốn trường hợp:

1. Lĩnh vực hữu lậu tiếp nhận không phải căn, là căn không tiếp nhận sắc ấm-tướng ấm hữu lậu. Căn không tiếp nhận hành ấm hữu lậu.

2. Căn tiếp nhận không phải lĩnh vực hữu lậu, là ba căn và phần ít của chín căn.

3. Lĩnh vực hữu lậu tiếp nhận cũng là căn, là mười căn và phần ít của chín căn.

4. Không phải lĩnh vực hữu lậu tiếp nhận cũng không phải căn, là sắc ấm-tướng ấm vô lậu. Căn không tiếp nhận hành ấm vô lậu và vô vi.

Hoặc lĩnh vực vô lậu tiếp nhận không phải là căn, có bốn trường hợp:

1. Lĩnh vực vô lậu tiếp nhận không phải căn, là sắc ấm-tướng ấm

vô lậu. Căn không tiếp nhận hành ấm vô lậu và vô vi.

2. Căn tiếp nhận không phải lĩnh vực vô lậu, là mười căn và phần ít của chín căn.

3. Lĩnh vực vô lậu tiếp nhận cũng là căn, là ba căn và phần ít của chín căn.

4. Không phải lĩnh vực vô lậu tiếp nhận cũng không phải căn, là căn không tiếp nhận sắc ấm-tướng ấm hữu lậu. Căn không tiếp nhận hành ấm hữu lậu.

Hết thủy hoặc quá khứ-vị lai hay hiện tại là tám thiện, tám vô ký, sáu cần phân biệt: Ý căn hoặc thiện, hoặc bất thiện, hoặc vô ký. Thiện là ý thiện tư duy tương ứng với Ý căn. Bất thiện là ý bất thiện tư duy tương ứng với Ý căn. Vô ký là ý vô ký tư duy tương ứng với Ý căn.

Như Ý căn; Lạc - Khổ - Hỷ - Xả căn cũng như vậy.

Ưu căn hoặc thiện, hoặc bất thiện. Thiện là ý thiện tư duy tương ứng với Ưu căn. Bất thiện là ý bất thiện tư duy tương ứng với Ưu căn.

Bốn thứ thuộc cõi Dục, ba thứ không lệ thuộc, mười lăm cần phân biệt: Nhãn căn hoặc thuộc cõi Dục, hoặc thuộc cõi Sắc. Thuộc cõi Dục là nhãn căn thuộc cõi Dục, do bốn đại tạo nên. Thuộc cõi Sắc là nhãn căn thuộc cõi Sắc, do bốn đại tạo nên.

Như nhãn căn; Nhĩ- tử- thiết- thân căn cũng như vậy.

Mạng căn hoặc thuộc cõi Dục, hoặc thuộc cõi Sắc, hoặc thuộc cõi Vô sắc. Thuộc cõi Dục là mạng căn thuộc cõi Dục. Thuộc cõi Sắc là mạng căn thuộc cõi Sắc. Thuộc cõi Vô sắc là mạng căn thuộc cõi Vô sắc.

Ý căn hoặc thuộc cõi Dục, thuộc cõi Sắc, hoặc thuộc cõi Vô sắc, hoặc không lệ thuộc. Thuộc cõi Dục là ý thuộc cõi Dục, tư duy tương ứng với Ý căn. Thuộc cõi Sắc là ý thuộc cõi Sắc, tư duy tương ứng với Ý căn. Thuộc cõi Vô sắc là ý thuộc cõi Vô sắc, tư duy tương ứng với Ý căn. Không lệ thuộc là ý vô lậu tư duy tương ứng với Ý căn.

Như Ý căn; Xả - Tín - Tinh tiến - Niệm - Định - Tuệ căn cũng như vậy.

Lạc căn hoặc thuộc cõi Dục, hoặc thuộc cõi Sắc, hoặc không lệ thuộc. Thuộc cõi Dục là ý thuộc cõi Dục, tư duy tương ứng với Lạc căn. Thuộc cõi Sắc là ý thuộc cõi Sắc, tư duy tương ứng với Lạc căn. Không lệ thuộc là ý vô lậu, tư duy tương ứng với Lạc căn.

Như Lạc căn, Hỷ căn cũng như vậy.

Hai thứ là học, một thứ là vô học, mười thứ là phi học phi vô học, chín cần phân biệt: Ý căn hoặc học, hoặc vô học, hoặc phi học phi vô

học. Học là ý học tư duy tương ứng với Ý căn. Vô học là ý vô học tư duy tương ứng với Ý căn. Phi học phi vô học là ý hữu lậu tư duy tương ứng với Ý căn.

Như Ý căn; Lạc - Khổ - Xả - Tín - Tinh tiến - Niệm - Định - Tuệ cũng như vậy.

Chín thứ tu đoạn, ba thứ không đoạn, mười cần phân biệt: Ý căn hoặc kiến đoạn, hoặc tu đoạn, hoặc không đoạn. Kiến đoạn là đoạn trừ ra vô gián như người tùy tín hành, tùy pháp hành, đã nói rộng trong phẩm Phân biệt các nhập. Tu đoạn là như trước đã nói rộng. Không đoạn là Ý căn vô lậu.

Như Ý căn, Xả căn cũng vậy.

Lạc căn hoặc kiến đoạn, hoặc tu đoạn, hoặc không đoạn. Kiến đoạn là đoạn trừ ra không gián đoạn, như người tùy tín hành, tùy pháp hành. Đoạn những gì? Là kiến đạo đoạn trừ ra hai mươi tám sử tương ứng với Lạc căn. Tu đoạn là như Lạc căn học thấy dấu đạo tu đoạn. Đoạn những gì? Là tu đạo đoạn trừ ra năm sử tương ứng với Lạc căn và Lạc căn hữu lậu không ô uế. Không đoạn là Lạc căn vô lậu, (hai mươi tám là ba thiền - bốn đế là hai mươi tám. Năm là ba thiền tư duy ba Dục giới, tư duy tham và vô minh là hai).

Hỷ căn hoặc kiến đoạn, hoặc tu đoạn, hoặc không đoạn. Kiến đoạn là gì? Là người tín hành, tùy pháp hành đoạn trừ ra không gián đoạn. Đoạn những gì? Là kiến đạo đoạn trừ ra năm mươi hai sử tương ứng với Hỷ căn. Tu đoạn là gì? Là như Hỷ căn học thấy dấu đạo tu đoạn. Đoạn những gì? Là tu đạo đoạn trừ ra sáu sử tương ứng với Hỷ căn và Hỷ căn hữu lậu không ô uế. Không đoạn là Hỷ căn vô lậu.

(Năm mươi hai là hai thiền, bốn đế hai mươi tám cõi Dục có bốn đế, thân kiến có một, biên kiến có một, tà kiến có bốn, giới đạo có hai, kiến đạo (trộm) có bốn tham có bốn mạn có bốn vô minh có bốn; sáu là hai thiền tư duy ba cõi Dục, tư duy tham - mạn - vô minh là ba).

Ưu căn hoặc kiến đoạn, hoặc tu đoạn. Kiến đoạn là Ưu căn đoạn trừ ra không gián đoạn của người tùy tín hành, tùy pháp hành. Đoạn những gì? Là kiến đạo đoạn trừ ra mười sáu sử tương ứng với Ưu căn. Tu đoạn là Ưu căn học thấy dấu đạo tu đoạn. Đoạn những gì? Là tu đạo đoạn trừ ra hai sử tương ứng với Ưu căn và Ưu căn không ô uế.

(mười sáu là bốn đế cõi Dục, tà kiến có bốn, nghi có bốn, sân nhuế có bốn, vô minh có bốn; hai là tư duy cõi Dục có sân nhuế và vô minh)

Tín - Tinh tiến - Niệm - Định - Tuệ nếu là hữu lậu là tu đoạn, nếu là vô lậu thì không đoạn.

Tám thứ không phải tâm - không phải tâm pháp - không phải tâm tương ứng. Mười thứ là tâm pháp, tâm tương ứng. Một tức là tâm. Ba cần phân biệt: Vị tri đương tri căn - dĩ tri căn - vô tri căn tiếp nhận chín căn - tám căn - tâm pháp và tâm tương ứng, một căn tức là tâm.

Tám thứ không phải tâm tùy chuyển nhưng không tương ứng với thọ. Một thứ tương ứng với thọ nhưng không phải tùy chuyển. Năm thứ là tâm tùy chuyển không tương ứng với thọ. Năm thứ là tâm tùy chuyển cũng tương ứng với thọ. Ba cần phân biệt: Vị tri đương tri căn - dĩ tri căn - vô tri căn tiếp nhận ba căn.

Tâm tùy chuyển không tương ứng với thọ. Một thứ tương ứng với thọ mà không phải tâm tùy chuyển. Năm thứ là tâm tùy chuyển cũng tương ứng với thọ.

Tám thứ không phải tâm tùy chuyển mà không tương ứng với tướng - hành. Một thứ là tướng - hành tương ứng nhưng không phải tâm tùy chuyển. Mười thứ là tâm tùy chuyển và tướng-hành tương ứng, trừ ra tự tánh của nó. Ba cần phân biệt: Vị tri đương tri căn - dĩ tri căn - vô tri căn tiếp nhận chín căn - tám căn.

Tâm tùy chuyển cũng tương ứng với tướng-hành, trừ ra tự tánh của nó. Một căn tướng - hành tương ứng nhưng không phải tâm tùy chuyển.

Hai thứ có giác có quán, tám thứ không giác không quán, mười hai cần phân biệt: Ý căn hoặc có giác có quán, hoặc không giác có quán, hoặc không giác không quán. Có giác có quán là ý có giác có quán tư duy tương ứng với Ý căn. Không giác có quán là ý không giác có quán tư duy tương ứng với Ý căn. Không giác không quán là ý không giác không quán tư duy tương ứng với Ý căn.

Như Ý căn; Xả - Tín - Tinh tiến - Niệm - Định - Tuệ căn, vị tri đương tri căn - dĩ tri căn-vô tri căn cũng như vậy.

Lạc căn hoặc có giác có quán, hoặc không giác không quán. Có giác có quán là ý có giác có quán tư duy tương ứng với Lạc căn. Không giác không quán là ý không giác không quán tư duy tương ứng với Lạc căn.

Như Lạc căn, Hỷ căn cũng vậy.

Một thứ là kiến cũng là kiến xứ, chín thứ là kiến xứ mà không phải kiến, mười hai cần phân biệt: Ý căn nếu là hữu lậu thì kiến xứ chứ không phải kiến. Nếu là vô lậu thì không phải kiến cũng không phải kiến xứ.

Như Ý căn; Lạc - Hỷ - Xả - Tín - Tinh tiến - Niệm - Định cũng

vậy.

Tuệ căn hoặc là kiến mà không phải kiến xứ, có bốn trường hợp:

1. Kiến không phải kiến xứ, là tận trí - vô sinh trí không tiếp nhận tuệ căn vô lậu.
2. Kiến xứ không phải kiến, là kiến không tiếp nhận tuệ căn hữu lậu.
3. Kiến cũng là kiến xứ, là chánh kiến thế tục.
4. Không phải kiến cũng không phải kiến xứ, là kiến không tiếp nhận tuệ căn vô lậu.

Vị tri đương tri căn - dĩ tri căn biết tiếp nhận kiến không phải kiến xứ, còn lại là không phải kiến cũng không phải kiến xứ. Vô tri căn tiếp nhận tận trí - vô sinh trí, không tiếp nhận tuệ căn vô lậu, là kiến không phải kiến xứ, còn lại là không phải kiến cũng không phải kiến xứ.

Mười sáu thứ không phải nhân của thân kiến, thân kiến cũng không phải là nhân của nó. Sáu cần phân biệt: Ý căn, Lạc căn, Hỷ căn, Xả căn, nói rộng như ở Thọ niệm xứ.

Khổ căn, nếu ô uế thì nó là nhân của thân kiến, thân kiến không phải là nhân của nó. Nếu không ô uế thì nó không phải là nhân của thân kiến, thân kiến cũng không phải là nhân của nó.

Ưu căn, hoặc là nhân của thân kiến mà thân kiến không phải là nhân của nó, có ba trường hợp:

1. Nhân của thân kiến mà thân kiến không phải là nhân của nó, là trừ ra sử kiến khổ đoạn tương ứng với Ưu căn quá khứ - hiện tại. Trừ ra kiến tập đoạn sử bao trùm hết thấy tương ứng với Ưu căn quá khứ - hiện tại, còn lại là ưu căn ô uế.
2. Nhân của thân kiến, thân kiến cũng là nhân của nó, là những điều đã trừ ra và nói ở trên.
3. Không phải là nhân của thân kiến mà thân kiến cũng không phải là nhân của nó, là Ưu căn không ô uế.

Chín thứ không phải nghiệp cũng không phải nghiệp báo. Một thứ là nghiệp báo chứ không phải báo. Mười hai cần phân biệt: Nhân căn hoặc là nghiệp báo chứ không phải nghiệp, hoặc không phải nghiệp mà cũng không phải nghiệp báo. Nghiệp báo không phải nghiệp, là báo sinh của nhân căn. Ngoài ra là không phải nghiệp cũng không phải nghiệp báo.

Như nhân căn; nhĩ - tử - thiết - thân - nam - nữ - ý - lạc - hỷ - xả - khổ căn cũng vậy.

Tám thứ không phải nghiệp cũng không phải nghiệp tùy chuyển.

Mười bốn thứ là nghiệp tùy chuyển nhưng không phải nghiệp.

Bảy thứ là sắc tạo sắc mà sắc không thể thấy. Mười lăm thứ không phải sắc tạo sắc mà sắc không thể thấy.

Bảy thứ là sắc tạo sắc, cũng là sắc có đối. Mười lăm thứ không phải sắc tạo sắc mà cũng không phải sắc có đối.

Hết thấy là rất sâu xa khó hiểu. Khó hiểu vì rất sâu xa.

Tám thứ là thiện cũng là nhân thiện, mười bốn cần phân biệt: Nhân căn, hoặc là nhân thiện nhưng không phải thiện, hoặc không phải là nhân thiện mà cũng không phải thiện. Nhân thiện nhưng không phải thiện, là báo sinh thiện nơi nhân căn. Còn lại là không phải nhân thiện cũng không phải thiện.

Như nhân căn; nhĩ - tử - thiết - thân - nam - nữ - mạng căn cũng như vậy.

Ý căn, hoặc là nhân thiện nhưng không phải thiện, có ba trường hợp:

1. Nhân thiện nhưng không phải thiện, là báo sinh thiện nơi Ý căn.

2. Thiện cũng là nhân thiện, là ý căn thiện.

3. Không phải thiện cũng không phải nhân thiện, là trừ ra báo sinh thiện nơi ý căn, và ý căn thiện, còn lại là ý căn bất thiện và vô ký. (còn lại)

Như Ý căn; Lạc - Hỷ - Xả căn cũng như vậy.

Khổ căn, hoặc là thiện cũng là nhân thiện, hoặc không phải thiện cũng không phải nhân thiện. Thiện cũng là nhân của thiện, là khổ căn thiện. Không phải thiện cũng không phải nhân thiện, là khổ căn bất thiện và vô ký.

Ưu căn, hoặc là thiện cũng là nhân thiện, hoặc không phải thiện cũng không phải nhân của thiện. Thiện cũng là nhân thiện, là ưu căn thiện. Không phải thiện cũng không phải nhân thiện, là ưu căn bất thiện.

Tám thứ không phải bất thiện cũng không phải nhân bất thiện, mười bốn cần phân biệt: Nhân căn hoặc là nhân bất thiện mà không phải bất thiện; hoặc không phải là nhân bất thiện mà cũng không phải bất thiện. Nhân bất thiện nhưng không phải bất thiện, là báo sinh bất thiện nơi nhân căn. Còn lại là không phải nhân bất thiện mà cũng không phải bất thiện.

Như nhân căn; nhĩ - tử - thiết - thân - nam - nữ - mạng căn cũng vậy.

Ý căn, hoặc là nhân bất thiện nhưng không bất thiện, có ba trường hợp:

1. Nhân bất thiện nhưng không phải bất thiện, là báo sinh bất thiện nơi ý căn và thân kiến - biên kiến tương ứng với Ý căn cõi Dục.
2. Bất thiện cũng là nhân bất thiện, là Ý căn bất thiện.
3. Không phải bất thiện cũng không phải nhân bất thiện, là trừ ra báo sinh bất thiện nơi Ý căn. Trừ ra thân kiến - biên kiến cõi Dục tương ứng với ý căn, và trừ ra ý căn bất thiện. Còn lại là vô ký và Ý căn thiện.

Lạc căn, hoặc là bất thiện chứ không phải nhân của bất thiện, hoặc không phải bất thiện mà cũng không phải nhân của bất thiện. Bất thiện chứ không phải nhân của bất thiện, là Lạc căn bất thiện. Không phải bất thiện mà cũng không phải nhân của bất thiện, là lạc căn thiện và vô ký.

Khổ căn, hoặc là nhân bất thiện mà không phải bất thiện, có ba trường hợp:

1. Nhân bất thiện mà không phải bất thiện, là báo sinh bất thiện nơi khổ căn.
2. Bất thiện cũng là nhân của bất thiện, là khổ căn bất thiện.
3. Không phải bất thiện mà cũng không phải nhân của bất thiện, là trừ ra báo sinh bất thiện nơi khổ căn, và khổ căn bất thiện, còn lại là vô ký và khổ căn thiện.

Hỷ căn, hoặc là nhân bất thiện chứ không phải bất thiện, có ba trường hợp:

1. Nhân bất thiện chứ không phải bất thiện, là thân kiến - biên kiến cõi Dục, nó tương ứng với Hỷ căn.
2. Bất thiện cũng là nhân của bất thiện, là Hỷ căn bất thiện.
3. Không phải bất thiện cũng không phải nhân của bất thiện, là trừ ra thân kiến - biên kiến cõi Dục, nó tương ứng với hỷ căn, và trừ ra Hỷ căn bất thiện, còn lại là Hỷ căn thiện và vô ký.

Như Hỷ căn, Xả căn cũng như vậy.

Ưu căn, hoặc là bất thiện mà cũng là nhân bất thiện, hoặc không phải bất thiện mà cũng không phải là nhân bất thiện. Bất thiện cũng là nhân bất thiện, là ưu căn bất thiện. Không phải bất thiện cũng không phải nhân bất thiện, là ưu căn thiện.

Tám thứ không phải vô ký cũng không phải nhân của vô ký. Tám thứ vô ký cũng là nhân của vô ký. Sáu cần phân biệt: Ý căn hoặc là nhân vô ký nhưng không phải vô ký, có ba trường hợp:

1. Nhân vô ký không phải vô ký, là ý căn bất thiện.
2. Vô ký cũng là nhân vô ký, là ý căn vô ký.
3. Không phải vô ký cũng không phải là nhân vô ký, là ý căn thiện.

Như Ý căn; Lạc - Khổ - Hỷ - Xả căn cũng vậy.

Ưu căn, hoặc là nhân vô ký nhưng không phải vô ký, hoặc là không phải vô ký cũng không phải nhân vô ký. Nhân vô ký nhưng không phải vô ký, là ưu căn bất thiện. Không phải vô ký cũng không phải nhân vô ký, là Ưu căn thiện.

Hết thấy là nhân duyên duyên hợp và có nhân.

Tám thứ không phải thứ đệ cũng không phải thứ đệ duyên duyên hợp, mười bốn cần phân biệt: Ý căn hoặc là thứ đệ nhưng không phải thứ đệ duyên duyên hợp, như đã nói rộng ở Thọ niệm xứ.

Như Ý căn, Xả căn cũng vậy.

Lạc căn, hoặc là thứ đệ nhưng không phải thứ đệ duyên duyên hợp, có ba trường hợp:

1. Thứ đệ nhưng không phải thứ đệ duyên duyên hợp, là Lạc căn sẽ dấy khởi ở hiện tiền hoặc vị lai.
2. Thứ đệ cũng là thứ đệ duyên duyên hợp, là Lạc căn quá khứ-hiện tại.
3. Không phải thứ đệ cũng không phải thứ đệ duyên duyên hợp, là trừ ra lạc căn sẽ dấy khởi ở hiện tiền hoặc vị lai, còn lại là Lạc căn vị lai.

Như Lạc căn; Khổ - Hỷ - Ưu - Tín - Tinh tiến - Niệm - Định - Tuệ, vị tri đương tri căn - dĩ tri căn- vô tri căn cũng vậy.

Tám thứ là duyên của duyên duyên hợp chứ không phải có duyên, mười bốn thứ duyên của duyên duyên hợp và có duyên.

Hết thấy là tăng thượng duyên duyên hợp cũng có tăng thượng.

Mười thứ là tùy lưu chứ không phải lưu. Ba thứ không phải lưu cũng không phải tùy lưu. Chín cần phân biệt: Chín nếu là hữu lậu thì tùy lưu chứ không phải lưu. Nếu vô lậu thì không phải lưu mà cũng không phải tùy lưu.

Nhập là mười hai nhập:

Hỏi: Những gì là mười hai nhập?

Đáp: Như trước đã nói rộng.

Hỏi: Mười hai nhập này, có bao nhiêu sắc, bao nhiêu không phải sắc?

Đáp: Mười sắc, một không phải sắc, một cần phân biệt: Pháp nhập

hoặc là sắc, hoặc là không phải sắc. Pháp nhập nơi nghiệp thân, miệng là sắc. Còn lại là không phải sắc.

Một có thể thấy, mười một không thể thấy.

Mười có đối, hai không có đối.

Mười hữu lậu, hai cần phân biệt: Ý nhập hoặc hữu lậu, hoặc vô lậu. Hữu lậu là ý hữu lậu tư duy tương ứng với ý nhập. Vô lậu là ý vô lậu tư duy tương ứng với ý nhập.

Pháp nhập hoặc hữu lậu, hoặc vô lậu. Hữu lậu là nghiệp thân, miệng hữu lậu, thọ ấm - tưởng ấm - hành ấm hữu lậu. Vô lậu là nghiệp thân, miệng vô lậu, thọ ấm - tưởng ấm - hành ấm vô lậu và vô vi.

Mười một thứ hữu vi, một cần phân biệt: Pháp nhập hoặc hữu vi, hoặc vô vi. Hữu vi là nghiệp thân, miệng nơi pháp nhập, là thọ ấm - tưởng ấm - hành ấm. Vô vi là hư không - số diệt và phi số diệt.

Tám thứ là vô báo, bốn cần phân biệt: Sắc nhập hoặc có báo, hoặc không có báo. Có báo là sắc nhập thiện và bất thiện. Không có báo là trừ ra sắc nhập thiện và bất thiện, còn lại là sắc nhập.

Như sắc nhập, thanh nhập cũng vậy.

Ý nhập hoặc có báo, hoặc không có báo. Có báo là ý nhập hữu lậu thiện và bất thiện. Không có báo là ý nhập vô lậu và vô ký.

Như ý nhập, pháp nhập cũng vậy.

Mười một thứ từ nhân duyên sinh thuộc cõi đời này, một cần phân biệt: Pháp nhập nếu là hữu vi thì đó là nhân duyên sinh thuộc cõi đời này, nếu là vô vi thì không phải nhân duyên sinh, không thuộc về cõi đời này.

Mười thứ là thuộc về sắc, một thứ là thuộc về danh, một cần phân biệt: Nghiệp thân, miệng trong pháp nhập là thuộc về sắc, còn lại là thuộc về danh.

Sáu thứ là thuộc về nội nhập, sáu thứ là thuộc về ngoại nhập.

Hết thấy là trí biết.

Mười thứ là đoạn tri biết và đoạn, hai cần phân biệt: Hai nếu hữu lậu thì đó là đoạn tri biết và đoạn, nếu vô lậu thì nó không phải đoạn tri biết và không đoạn.

Tám thứ không phải tu, bốn cần phân biệt: Sắc nhập hoặc phải tu, hoặc không phải tu. Phải tu là sắc nhập thiện. Không phải tu là sắc nhập vô ký và bất thiện.

Như sắc nhập; thanh nhập - ý nhập cũng vậy.

Pháp nhập như nói rộng ở phẩm Phân biệt các nhập.

Tám thứ là không ô uế, bốn cần phân biệt: Nói rộng như ở trên.

Mười một thứ là quả và có quả, một cần phân biệt: Trong pháp nhập hoặc là quả không có quả, có ba trường hợp:

1. Quả không phải có quả, là số diệt.
2. Quả cũng có quả, là pháp nhập hữu vi.
3. Không phải quả cũng không phải có quả, là hư không-phi số diệt.

Ba thứ không thọ, chín cần phân biệt: Nhân nhập hoặc là thọ, hoặc là không thọ. Thọ là tự tánh thọ nhận. Không thọ là không phải tự tánh thọ nhận.

Như nhân nhập; nhĩ nhập, tử nhập, thiết nhập, thân nhập, sắc nhập, vị nhập, hương nhập, xúc nhập cũng vậy.

Mười hai nhập hoặc do bốn đại tạo, hoặc không phải bốn đại tạo. Bốn đại tạo là chín nhập và phần ít của hai nhập. Không phải bốn đại tạo là một nhập và phần ít của hai nhập.

Mười một thứ là có cái trên nó, một cần phân biệt: Pháp nhập hoặc là hữu thượng, hoặc vô thượng. Có cái trên nó là nghiệp thân, miệng trong pháp nhập cùng thọ ấm - tưởng ấm - hành ấm, hư không - phi số diệt. Vô thượng là số diệt.

Mười thứ là hữu, hai cần phân biệt: Hai nếu là hữu lậu thì là hữu. Nếu là vô lậu thì không phải hữu.

Mười thứ là nhân không tương ứng, một thứ là nhân tương ứng, một cần phân biệt: Pháp nhập nếu là nhân của tâm pháp thì tương ứng, nếu không phải nhân của tâm pháp thì không tương ứng.

Lĩnh vực thiện tiếp nhận phần ít của bốn nhập. Phần ít của bốn nhập cũng tiếp nhận lĩnh vực thiện.

Lĩnh vực bất thiện tiếp nhận phần ít của bốn nhập. Phần ít của bốn nhập cũng tiếp nhận lĩnh vực bất thiện.

Lĩnh vực vô ký tiếp nhận tám nhập và phần ít của bốn nhập. Tám nhập và phần ít của bốn nhập cũng tiếp nhận lĩnh vực vô ký.

Lĩnh vực lậu tiếp nhận phần ít của một nhập. Phần ít của một nhập cũng tiếp nhận lĩnh vực lậu.

Lĩnh vực hữu lậu tiếp nhận mười nhập và phần ít của hai nhập. Mười nhập và phần ít của hai nhập cũng tiếp nhận lĩnh vực hữu lậu.

Lĩnh vực vô lậu tiếp nhận phần ít của hai nhập. Phần ít của hai nhập cũng tiếp nhận lĩnh vực vô lậu.

Mười một thứ hoặc là quá khứ-vị lai hay hiện tại. Một cần phân biệt: Pháp nhập nếu là hữu vi thì có quá khứ-vị lai, hiện tại. Nếu là vô vi thì không có quá khứ-vị lai hay hiện tại.

Tám thứ là vô ký, bốn cần phân biệt: Như nói rộng ở phẩm Phân biệt các nhập.

Hai thứ thuộc cõi Dục, mười cần phân biệt: Như nói rộng ở phẩm Phân biệt các nhập

Hỏi: Mười hai nhập có bao nhiêu học, bao nhiêu vô học, bao nhiêu phi học phi vô học?

Đáp: Như nói rộng ở phẩm Phân biệt các nhập. Mười thứ là tu đoạn, hai cần phân biệt. Như nói rộng ở phẩm Phân biệt các nhập.

Mười thứ không phải tâm - không phải tâm pháp - không phải tâm tương ứng. Một thứ tức là tâm. Một cần phân biệt: Pháp nhập nếu là hữu duyên thì tương ứng với tâm và tâm pháp. Nếu không có duyên thì không tương ứng với tâm, không tương ứng với tâm pháp.

Mười thứ không phải tâm tùy chuyển nhưng không tương ứng với thọ. Một thứ tương ứng với thọ nhưng không phải tâm tùy chuyển. Một cần phân biệt: Pháp nhập hoặc là tâm tùy chuyển nhưng không tương ứng với thọ, có ba trường hợp:

1. Tâm tùy chuyển nhưng không tương ứng với thọ, là tâm tùy chuyển nghiệp thân, miệng, tâm tùy chuyển nơi tâm bất tương ứng hành và thọ.

2. Tâm tùy chuyển cũng tương ứng với thọ, là tưởng ấm nó tương ứng với hành ấm.

3. Không phải tâm tùy chuyển cũng không tương ứng với thọ, là trừ ra tâm tùy chuyển nơi nghiệp thân, miệng, còn lại là nghiệp thân, miệng. Trừ ra tâm tùy chuyển nơi tâm bất tương ứng hành, còn lại là tâm bất tương ứng hành và vô vi.

Như thọ; tưởng-hành cũng vậy, trừ ra tự tánh của nó.

Mười thứ không phải giác tùy chuyển cũng không tương ứng với quán. Hai cần phân biệt: Ý nhập hoặc là có giác có quán, hoặc không giác có quán, hoặc không giác không quán. Có giác có quán là ý có giác có quán tư duy tương ứng với ý nhập. Không giác có quán là ý không giác có quán tư duy tương ứng với ý nhập. Không giác không quán là ý không giác không quán tư duy tương ứng với ý nhập.

Pháp nhập hoặc có giác tùy chuyển nhưng không tương ứng với quán, có bốn trường hợp:

1. Giác tùy chuyển nhưng không tương ứng với quán, là giác tùy chuyển nơi nghiệp thân, miệng, giác tùy chuyển nơi tâm bất tương ứng hành và giác tương ứng với quán.

2. Quán tương ứng nhưng không phải giác tùy chuyển, là giác. Nếu

giác không tương ứng với quán, thì tương ứng với tâm và tâm pháp.

3. Giác tùy chuyển cũng tương ứng với quán, là giác - quán tương ứng với tâm và tâm pháp.

4. Không phải giác tùy chuyển cũng không phải tương ứng với quán, là trừ ra giác tùy chuyển nơi nghiệp thân, miệng, còn lại là nghiệp thân, miệng. Trừ ra giác tùy chuyển nơi tâm bất tương ứng hành, còn lại là tâm bất tương ứng hành, và giác không tương ứng với quán, và không phải giác- quán tương ứng với tâm - tâm pháp - pháp nhập và vô vi.

Một thứ là kiến cũng là kiến xứ. Chín thứ là kiến xứ không phải là kiến. Hai cần phân biệt: Ý nhập nếu là hữu lậu thì là kiến xứ chứ không phải kiến. Nếu là vô lậu thì không phải kiến cũng không phải kiến xứ.

Pháp nhập hoặc là kiến không phải kiến xứ, có bốn trường hợp:

1. Kiến không phải kiến xứ, là pháp nhập tiếp nhận tận trí-vô sinh trí, không tiếp nhận tuệ vô lậu.

2. Kiến xứ không phải kiến, là kiến không tiếp nhận pháp nhập hữu lậu.

3. Kiến cũng là kiến xứ, là năm kiến thuộc chánh kiến thế tục.

4. Không phải kiến cũng không phải kiến xứ, là kiến không tiếp nhận pháp nhập vô lậu.

Tám thứ không phải là nhân của thân kiến, thân kiến cũng không phải nhân của nó. Bốn cần phân biệt: Sắc nhập nếu ô uế thì là nhân của thân kiến, thân kiến không phải là nhân của nó. Nếu không ô uế thì không phải nhân của thân kiến, thân kiến cũng không phải là nhân của nó.

Như sắc nhập, thanh nhập cũng vậy.

Ý nhập như nói rộng ở phần Thọ niệm xứ. Pháp nhập như nói rộng ở phần Pháp niệm xứ.

Hỏi: Mười hai nhập có bao nhiêu nghiệp không phải nghiệp báo?

Đáp: Tất cả cần phân biệt.

Nhãn nhập, hoặc là nghiệp báo nhưng không phải nghiệp, hoặc không phải nghiệp báo cũng không phải nghiệp. Nghiệp báo nhưng không phải nghiệp, là báo sinh nơi nhãn nhập. Ngoài ra là không phải nghiệp báo cũng không phải nghiệp.

Như nhãn nhập; tử, nhĩ, hương, thiệt, vị, thân, xúc, ý nhập cũng như vậy.

Sắc nhập hoặc là nghiệp mà không phải nghiệp báo, có ba trường hợp:

1. Nghiệp không phải nghiệp báo là thân tác sắc.
2. Nghiệp báo không phải nghiệp, là báo sinh nơi sắc nhập.
3. Không phải nghiệp cũng không phải nghiệp báo, là trừ ra nghiệp sắc và nghiệp báo sinh nơi sắc nhập, còn lại là sắc nhập.

Thanh nhập, hoặc là nghiệp không phải nghiệp báo, hoặc là không phải nghiệp cũng không phải nghiệp báo. Nghiệp không phải nghiệp báo, là khẩu tác. Ngoài ra thì không phải nghiệp cũng không phải nghiệp báo.

Pháp nhập, hoặc là nghiệp không phải nghiệp báo, có bốn trường hợp:

1. Nghiệp không phải nghiệp báo, là nghiệp thân, miệng và báo không tiếp nhận nghiệp tư.
2. Nghiệp báo không phải nghiệp là tư không tiếp nhận sinh báo nơi pháp nhập.
3. Nghiệp cũng là nghiệp báo, là báo sinh nơi tư nghiệp.
4. Không phải nghiệp cũng không phải nghiệp báo, là trừ ra nghiệp và nghiệp báo sinh nơi pháp nhập, là pháp nhập còn lại.

Tám thứ không phải nghiệp không phải nghiệp tùy chuyển. Một thứ là nghiệp tùy chuyển không phải nghiệp. Ba cần phân biệt: Sắc nhập hoặc là nghiệp không phải nghiệp tùy chuyển, hoặc là không phải nghiệp cũng không phải nghiệp tùy chuyển. Nghiệp không phải nghiệp tùy chuyển, là thân tác sắc, còn lại là không phải nghiệp cũng không phải nghiệp tùy chuyển.

Thanh nhập cũng vậy.

Pháp nhập, hoặc là nghiệp không phải nghiệp tùy chuyển. Có bốn trường hợp:

1. Nghiệp không phải nghiệp tùy chuyển là trừ ra nghiệp tùy chuyển nơi nghiệp thân, miệng, còn lại là nghiệp thân, miệng và nghiệp tư.
2. Nghiệp tùy chuyển không phải nghiệp, là thọ ấm - tưởng ấm. Tư không tiếp nhận nghiệp tùy chuyển nơi hành ấm.
3. Nghiệp cũng là nghiệp tùy chuyển, là nghiệp tùy chuyển nơi nghiệp thân, miệng.
4. Không phải nghiệp cũng không phải nghiệp tùy chuyển, là trừ ra nghiệp và nghiệp tùy chuyển nơi pháp nhập, là pháp nhập còn lại.

Mười hai nhập hoặc là sắc tạo sắc mà sắc không thể trông thấy, có ba trường hợp:

1. Sắc tạo sắc mà sắc không trông thấy, là tám nhập và phần ít của hai nhập.

2. Sắc tạo sắc mà sắc cũng có thể thấy, là một nhập.

3. Không phải sắc tạo sắc mà cũng không phải sắc có thể thấy, là một nhập và phần ít của hai nhập.

Mười hai nhập, hoặc là sắc tạo sắc mà sắc không có đối, có bốn trường hợp:

1. Sắc tạo sắc mà sắc không có đối là phần ít của một nhập.

2. Sắc có đối mà không phải sắc tạo sắc, là phần ít của một nhập.

3. Sắc tạo sắc cũng là sắc có đối, là chín nhập và phần ít của một nhập.

4. Không phải sắc tạo sắc cũng không phải sắc có đối, là một nhập và phần ít của một nhập.

Hết thấy là rất sâu xa khó hiểu. Khó hiểu vì rất sâu xa

Hỏi: Mười hai nhập có bao nhiêu thiện cũng là nhân thiện?

Đáp: Tất cả cần phân biệt.

Nhãn nhập, hoặc là nhân thiện mà không phải thiện, hoặc không phải thiện cũng không phải nhân thiện. Nhân thiện mà không phải thiện, là báo sinh thiện nơi nhãn nhập. Còn lại là không phải nhân thiện cũng không phải là thiện.

Như nhãn nhập; nhĩ, tỷ, hương, thiệt, vị, thân, xúc nhập cũng vậy.

Sắc nhập, hoặc là nhân thiện mà không phải thiện, có ba trường hợp:

1. Nhân thiện mà không phải thiện, là báo sinh thiện nơi sắc nhập.

2. Thiện cũng là nhân thiện, là sắc nhập thiện.

3. Không phải thiện cũng không phải nhân thiện, là vô ký và sắc nhập bất thiện.

Như sắc nhập, ý nhập cũng vậy.

Thanh nhập, hoặc là thiện cũng là nhân thiện, hoặc không phải thiện cũng không phải nhân thiện. Thiện cũng là nhân thiện, là thanh nhập thiện. Còn lại không phải thiện cũng không phải nhân thiện.

Pháp nhập, hoặc là thiện mà không phải nhân thiện, đã nói rộng như Pháp niệm xứ.

Hỏi: Mười hai nhập có bao nhiêu bất thiện cũng là nhân bất thiện?

Đáp: Tất cả cần phân biệt:

Nhãn nhập, hoặc là nhân bất thiện nhưng không phải bất thiện, hoặc là không phải bất thiện cũng không phải nhân bất thiện. Nhân bất thiện không phải bất thiện, là báo sinh bất thiện nơi nhãn nhập. Ngoài

ra thì không phải nhân bất thiện cũng không phải bất thiện.

Như nhãn nhập; nhĩ, tỷ, hương, thiệt, vị, thân, xúc nhập cũng vậy.

Sắc nhập, hoặc là nhân bất thiện mà không phải bất thiện, có ba trường hợp:

1. Nhân bất thiện mà không phải bất thiện, là báo sinh bất thiện nơi sắc nhập.

2. Bất thiện cũng là nhân bất thiện, là sắc nhập bất thiện.

3. Không phải bất thiện cũng không phải nhân bất thiện, là vô ký và sắc nhập thiện.

Thanh nhập, hoặc là bất thiện cũng là nhân bất thiện, hoặc là không phải bất thiện cũng không phải nhân bất thiện. Bất thiện cũng là nhân bất thiện, là thanh nhập bất thiện. Còn lại là không phải bất thiện cũng không phải nhân bất thiện.

Ý nhập như Ý căn. Pháp nhập như pháp niệm xứ.

Tám thứ là vô ký cũng là nhân vô ký. Bốn cần phân biệt: Sắc nhập hoặc là nhân vô ký không phải vô ký, có ba trường hợp:

1. Nhân vô ký mà không phải vô ký là sắc nhập bất thiện.

2. Nhân vô ký cũng là vô ký, là sắc nhập vô ký.

3. Không phải vô ký cũng không phải nhân vô ký, là sắc nhập thiện.

Như sắc nhập; thanh nhập, ý nhập cũng vậy.

Pháp nhập, hoặc là vô ký mà không phải nhân vô ký, có bốn trường hợp:

1. Vô ký không phải nhân vô ký, là hư không-phi số diệt.

2. Nhân vô ký không phải là vô ký, là pháp nhập bất thiện.

3. Vô ký cũng là nhân vô ký, là pháp nhập vô ký - hữu vi.

4. Không phải vô ký cũng không phải nhân vô ký, là pháp nhập thiện.

Mười một thứ là nhân duyên duyên hợp và có nhân. Một cần phân biệt: Pháp nhập nếu là hữu vi thì nhân duyên duyên hợp và có nhân. Nếu là vô vi thì không phải nhân duyên duyên hợp - không phải có nhân.

Mười thứ không phải thứ đệ cũng không phải thứ đệ duyên duyên hợp. Hai cần phân biệt: Ý nhập hoặc là thứ đệ không phải thứ đệ duyên duyên hợp, có ba trường hợp:

1. Thứ đệ không phải thứ đệ duyên duyên hợp, là ý nhập sẽ dấy khởi ở hiện tiền hoặc vị lai, là ý nhập nơi thọ mạng tối hậu của bậc A-la-hán ở quá khứ- hiện tại.

2. Thứ đệ cũng là thứ đệ duyên duyên hợp, là trừ ra ý nhập nơi thọ mạng tối hậu của bậc A-la-hán ở quá khứ - hiện tại, còn lại là ý nhập quá khứ - hiện tại.

3. Không phải thứ đệ cũng không phải thứ đệ duyên duyên hợp, là trừ ra ý nhập sẽ dấy khởi ở hiện tiền hoặc vị lai, còn lại là ý nhập vị lai.

Pháp nhập, hoặc là thứ đệ không phải thứ đệ duyên duyên hợp, có ba trường hợp:

1. Thứ đệ không phải thứ đệ duyên duyên hợp, là tâm pháp nhập sẽ dấy khởi ở hiện tiền hoặc vị lai, là tâm pháp của pháp nhập nơi thọ mạng tối hậu của A-la-hán ở quá khứ và hiện tại, và chánh thọ vô tướng- chánh thọ diệt tận nơi pháp nhập đã khởi, sẽ khởi.

2. Thứ đệ cũng là thứ đệ duyên duyên hợp, là trừ ra tâm pháp của pháp nhập nơi thọ mạng tối hậu của A-la-hán ở quá khứ - hiện tại. Còn lại là tâm pháp của pháp nhập ở quá khứ - hiện tại.

3. Không phải thứ đệ cũng không phải thứ đệ duyên duyên hợp, là trừ ra tâm pháp của pháp nhập sẽ dấy khởi ở hiện tiền hoặc vị lai. Trừ ra thứ lớp nơi tâm bất tương ưng hành, còn lại là tâm bất tương ưng hành nơi nghiệp thân, miệng, và vô vi.

Mười thứ là duyên của duyên duyên hợp cũng không phải có duyên. Một thứ là duyên của duyên duyên hợp cũng có duyên. Một cần phân biệt: Duyên nơi pháp nhập, nếu là tâm pháp thì là duyên của duyên duyên hợp cũng có duyên. Còn lại là không phải duyên của duyên duyên hợp cũng không phải có duyên.

Mười một thứ là tăng thượng duyên duyên hợp và có tăng thượng. Một cần phân biệt: Pháp nhập, nếu là hữu vi thì đó là tăng thượng duyên duyên hợp và có tăng thượng. Nếu là vô vi thì tăng thượng duyên duyên hợp mà không có tăng thượng.

Mười thứ là tùy lưu, chứ không phải lưu. Hai cần phân biệt: Ý nhập, nếu là hữu lậu thì đó là tùy lưu chứ không phải lưu. Nếu là vô lậu thì không phải lưu cũng không phải tùy lưu.

Pháp nhập, hoặc là tùy lưu chứ không phải lưu, có ba trường hợp:

1. Tùy lưu chứ không phải lưu, là lưu không tiếp nhận pháp nhập hữu lậu.

2. Lưu cũng tùy lưu, là bốn lưu.

3. Không phải lưu cũng không phải tùy lưu, là lưu không tiếp nhận pháp nhập vô lậu.

